

# KHẢO SÁT HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN Y KHOA NĂM THỨ HAI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Tạ Trâm Anh

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Y khoa Vinh

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, đòi hỏi sinh viên phải có khả năng tự học bên cạnh sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nâng cao tri thức, kết quả học tập và năng lực chuyên môn sau khi ra trường. Mục tiêu nghiên cứu nhằm xác định các hoạt động tự học và các yếu tố liên quan ở sinh viên y khoa năm thứ hai Trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2025–2026. Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang trên 405 sinh viên, thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền. Kết quả cho thấy 79,5% sinh viên nghiên cứu bài học và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp; 94,0% tự học độc lập; 74,3% học theo tổ nhóm và 19,0% học qua ghi âm, ghi hình. Phần lớn sinh viên học theo trọng tâm bài giảng do giảng viên nhấn mạnh (73,0%) và học thông qua truy cập thông tin trên internet (94,9%). Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập năm thứ nhất với phương pháp và hình thức tự học. Kết quả góp phần cung cấp cơ sở để nhà trường đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo y khoa.

**Từ khóa:** Tự học, hoạt động tự học, kết quả học tập.

## SELF-LEARNING ACTIVITIES AMONG SECOND-YEAR MEDICAL STUDENTS AT VINH MEDICAL UNIVERSITY

**Abstract:** In the context of the rapid expansion of information, medical students are required to develop self-directed learning skills in addition to guidance from lecturers in order to enhance knowledge, academic performance, and professional competence after graduation. This study aimed to identify self-learning activities and their associated factors among second-year medical students at Vinh Medical University in the 2025–2026 academic year. A cross-sectional descriptive study was conducted among 405 second-year medical students using a self-administered questionnaire for data collection. The results showed that 79.5% of students studied lessons and consulted reference materials before attending classes. Most students practiced independent self-study (94.0%), while 74.3% studied in groups and 19.0% learned through audio or video recordings. The majority of students focused on key points emphasized by lecturers (73.0%) and accessed information via the internet for learning (94.9%). A statistically significant association was found between first-year academic performance and students' self-learning methods and forms. The findings provide evidence to support the development of strategies to improve the quality of medical education at the university.

**Keywords:** self-learning, self-learning activities, academic evaluation.

Nhận bài: 28/02/2026

Phản biện: 23/03/2026

Duyệt đăng: 27/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ xưa đến nay, nhu cầu tìm hiểu và lý giải các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đã thúc đẩy con người tích lũy tri thức và truyền đạt kinh nghiệm cho các thế hệ sau. Cùng với sự phát triển của xã hội, hoạt động truyền thụ tri thức dần được tổ chức thành hệ thống giáo dục với trường lớp, thầy và trò.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ trong thế kỷ XX và XXI đã làm cho tri thức của nhân loại liên tục được cập nhật và nhanh chóng trở nên lạc hậu. Trong bối cảnh đó, giáo dục hiện đại không chỉ chú trọng trang bị kiến thức mà còn hướng tới hình thành năng lực học tập suốt đời cho người học. Do đó, việc phát triển các kỹ năng, thái độ học tập đúng đắn, đặc biệt là năng lực tự học, được xem là yếu tố quan trọng giúp người học chủ động tiếp cận và cập nhật tri thức mới. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Trong cách học, phải lấy tự học làm cốt”. Quan điểm này cũng được thể hiện trong hệ thống giáo

dục Việt Nam. Điều 5 của Luật Giáo dục (2010) nêu rõ phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động và bồi dưỡng năng lực tự học cho người học; đồng thời bảo đảm thời gian tự học, tự nghiên cứu và phát triển phong trào tự học, tự đào tạo. Đối với giáo dục đại học, Điều 40 của Luật Giáo dục sửa đổi năm 2010 cũng nhấn mạnh việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển tư duy sáng tạo cho sinh viên.

Bên cạnh hoạt động học tập có sự hướng dẫn của giảng viên, khả năng tự học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học mở rộng tri thức và nâng cao nhận thức. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, việc học tập không còn giới hạn trong không gian và thời gian của lớp học mà đòi hỏi người học phải chủ động tìm tòi, khai thác và cập nhật kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy, tự học trở thành một yêu cầu thiết yếu giúp người học thích ứng với sự phát triển không ngừng của tri thức và xã hội.

Đại học Y khoa Vinh có bề dày lịch sử hơn 60 năm hình thành và phát triển, trong quá trình phát triển nhà trường từng bước khẳng định vị thế trong hệ thống đào tạo nhân lực y tế của cả nước. Với định hướng lấy ngành Y khoa làm trụ cột, trường chú trọng đào tạo gắn liền với thực hành lâm sàng, tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và y đức. Hoạt động đào tạo được gắn với hệ thống bệnh viện thực hành, giúp sinh viên tiếp cận thực tế sớm, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của xã hội. Bên cạnh đó, nhà trường đặc biệt đề cao vai trò của tự học và học tập suốt đời trong đào tạo y khoa. Sinh viên được định hướng phát triển năng lực tự nghiên cứu, khai thác tài liệu chuyên ngành, cập nhật kiến thức y học chứng cứ và rèn luyện tư duy lâm sàng thông qua học theo ca bệnh, thảo luận nhóm và nghiên cứu khoa học. Việc hình thành thói quen tự học không chỉ giúp người học làm chủ kiến thức trong quá trình đào tạo mà còn là nền tảng quan trọng để thích ứng với sự phát triển không ngừng của y học, bảo đảm năng lực hành nghề bền vững và an toàn cho người bệnh.

Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên y khoa năm thứ hai nhằm cung cấp thông tin giúp cho nhà trường có các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Y khoa.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

#### *Đối tượng nghiên cứu*

Gồm tất cả sinh viên ngành y khoa năm thứ hai trường Đại học Y khoa Vinh

**Thời gian, địa điểm nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y khoa Vinh từ tháng 10/2025 đến tháng 2 năm 2026.

#### *Tiêu chuẩn lựa chọn*

- Sinh viên đang học năm thứ hai ngành y khoa tại trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2025-2026.

- Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

#### *Tiêu chuẩn loại trừ*

- Sinh viên tạm ngừng học, nghỉ học và sinh viên các khóa trước được nhà trường quyết cho học lại.

- Sinh viên không trả lời đầy đủ bộ câu hỏi khảo sát.

**Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang

#### *Công cụ, quy trình thu thập thông tin*

Tiến hành thu thập thông tin bằng Bộ câu hỏi được gửi dưới dạng Google form tới tất cả các sinh viên y khoa năm thứ hai Trường ĐHYK Vinh năm học 2025-2026. Thời gian khảo sát từ 11/2025 đến 02/2026.

### **Đạo đức nghiên cứu**

- Nghiên cứu được sự chấp thuận của Ban giám hiệu Trường Đại học Y khoa Vinh và được tiến hành với sự đồng ý của sinh viên.

- Sinh viên được giải thích cặn kẽ về nghiên cứu, thông tin cá nhân của sinh viên được giữ bí mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

### **2.2. Kết quả**

Qua khảo sát 405 sinh viên y khoa năm thứ hai trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2025-2026 cho kết quả như sau:

Sinh viên nam chiếm tỷ lệ 52,6%. Có 98,0% sinh viên là người Việt Nam, Tỷ lệ sinh viên đạt kết quả học tập năm thứ nhất từ mức Giỏi trở lên chiếm 14,3%. Có 87,9% sinh viên có thời gian tự học mỗi ngày dưới 4 giờ.

Phương pháp tự học được sinh viên sử dụng nhiều nhất là “*Đọc lướt qua bài học trong sách trước khi đến lớp*” (92,1%). Trong đó 56,8% thường xuyên sử dụng phương pháp tự học này. Còn phương pháp “*Hỏi thầy cô khi thắc mắc hoặc không hiểu rõ*” chỉ có 14,6% sinh viên thường xuyên áp dụng.

Về hình thức tự học có 61,7% sinh viên thường xuyên “*tự học độc lập một mình*” trong khi chỉ có 48,6% thường xuyên “*học theo tổ nhóm*” và 8,9% thường xuyên học “*Học qua băng ghi âm, ghi hình trong lớp*”. Ngoài ra, có 94,9% sinh viên thường xuyên hoặc thỉnh thoảng “*Học qua truy cập thông tin trên internet*”.

Mối liên quan giữa kết quả học tập năm thứ nhất và phương pháp, hình thức tự học đa số các phương pháp tự học có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kết quả học tập (Giỏi - XS so với Khá - TB), ngoại trừ đọc lướt giáo trình trước khi đến lớp (OR = 1,84; 95%CI: 0,99–3,42; p = 0,053) và Học nguyên văn bài học trong sách giáo khoa (OR= 0,98 95%CI 0,53-1,82).

Mối liên quan giữa kết quả học tập năm thứ nhất với đặc điểm chung: Sinh viên Nữ có kết quả học tập Giỏi + XS gấp 2,18 lần sinh viên Nam (OR 95%CI 2,18 (1,25-3,8)). Kết quả này có ý nghĩa thống kê với p < 0,05. Sinh viên có thời gian tự học > 4giờ/ngày đạt kết quả học tập Giỏi + XS gấp 27,31 lần nhóm sinh viên có thời gian tự học < 4 giờ/ngày). Kết quả này có ý nghĩa thống kê với p < 0,001.

### **2.3. Bàn luận**

Sinh viên nam chiếm tỷ lệ 52,6% phù hợp với các thống kê tuyển sinh hàng năm ở trường Đại học Y khoa Vinh. Sinh viên người Việt Nam

chiếm tỷ lệ 98,0%. Có 55,1% sinh viên có thời gian tự học từ 2 giờ/ngày trở lên cho thấy sinh viên ngành y khoa phải dành rất nhiều thời gian tự học ngoài thời gian học ở lớp. Sinh viên đạt kết quả học tập năm thứ nhất chủ yếu ở mức độ Khá chiếm tỷ lệ 69,1% trong khi sinh viên đạt kết quả Giỏi và Trung bình lần lượt là 13,3% và 16,5%. Điều này cũng phù hợp với thực tế là những sinh viên ngành Y khoa đều có ngưỡng đầu vào cao hơn so với các ngành khác. Vì vậy học lực năm thứ nhất của sinh viên đa phần đều đạt kết quả tốt hơn.

Đa số sinh viên thường xuyên học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh (73,1%) cho thấy sinh viên năm thứ hai hầu như lệ thuộc vào sự chỉ dạy của thầy cô, ít phát huy khả năng tư duy độc lập, sáng tạo. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Quang Vinh. Đây cũng là sự phản ánh rõ rệt về kỹ năng học tập của những sinh viên năm đầu, khi sinh viên đã quen với tình trạng dạy học thụ động – là đặc điểm dạy/học phổ biến ở cấp THPT. Tỷ lệ sinh viên thường xuyên hỏi giảng viên khi chưa hiểu bài còn thấp (38,5%), kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của tác giả Lê Thị Liên. Điều này có thể giải thích do sinh viên năm thứ hai còn chưa thích nghi với môi trường đại học, tâm lý e ngại phát biểu và thói quen học tập còn thụ động. Điều này cho thấy cần tăng cường định hướng phương pháp học tập chủ động và khuyến khích tương tác hai chiều ngay từ những năm đầu trên giảng đường đại học.

Hầu hết sinh viên tự học độc lập một mình với tỷ lệ 94,1%. Các hình thức học tập thường xuyên theo nhóm, hoặc qua truy cập thông tin trên internet chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 74,3% và 94,8%. Điều này có thể do đặc thù đào tạo chương trình y khoa đòi hỏi tự học nhiều và sự thuận tiện của nguồn tài liệu trực tuyến. Trong khi chỉ 19,0% sinh viên học tập thông qua phương pháp ghi âm, ghi hình trong lớp, có thể do sự liên quan đến thói quen học trực tiếp trên lớp và sự hạn chế về việc quay phim, ghi âm trong lớp học.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập năm thứ nhất với phương pháp và hình thức tự học. Sinh viên thường xuyên *Nghiên cứu bài học và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp* đạt kết quả học tập ở mức độ Giỏi và XS nhiều gấp 4,99 lần nhóm thỉnh thoảng/không áp dụng phương pháp này (OR 95%CI: 4,99 (2,62-9,51).

Nhóm sinh viên thường xuyên *Học theo trọng*

*tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh* có kết quả học lực loại giỏi/XS nhiều gấp 19,74 lần so với sinh viên thỉnh thoảng/không áp dụng phương pháp này.

Tỷ lệ sinh viên thường xuyên *Học bài soạn lại hoặc hệ thống lại* đạt kết quả tốt gấp 214,9 lần so với nhóm không thường xuyên. Và với phương pháp *Hỏi thầy cô khi thắc mắc hoặc không hiểu rõ*, tỷ lệ sinh viên thường áp dụng phương pháp này đạt kết quả Giỏi/XS cao gấp 146,8 lần so với nhóm không thường xuyên. Điều này cho thấy việc học tập tích cực và tương tác trong quá trình học tập có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên nói chung và sinh viên y khoa nói riêng. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của các tác giả Morozova và Musal.

Còn đối với phương pháp Học nguyên văn bài học trong sách giáo khoa cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Điều này chứng minh rằng đối với đào tạo ở cấp độ Đại học, việc học tập nguyên văn bài học trong sách hoặc ghi âm ghi hình không giúp sinh viên học tốt vì đây là cách học nhớ, thuộc không tư duy sáng tạo dẫn đến khó để sinh viên đạt được thành tích tốt. Trong khi đó mục tiêu đào tạo đại học chủ yếu hướng đến các mức độ nhận thức cao hơn như Hiểu, Vận dụng, Phân tích..., đòi hỏi tư duy phản biện, khả năng vận dụng và tổng hợp kiến thức một cách chủ động.

Tỷ lệ Sinh viên nữ đạt kết quả học tập năm thứ nhất ở mức độ Giỏi/XS gấp 2,18 lần so với nhóm sinh viên Nam. Nhiều nghiên cứu giáo dục cho thấy nữ sinh có xu hướng chăm chỉ, dành nhiều thời gian tự học, ghi chép đầy đủ và chuẩn bị bài trước khi đến lớp tốt hơn so với sinh viên nam. Ngoài ra, nữ sinh thường có động cơ học tập nội tại và sự kiên trì cao, phù hợp với đặc thù chương trình Y khoa năm đầu vốn thiên về kiến thức cơ sở, đòi hỏi sự bền bỉ và khả năng ghi nhớ có hệ thống.

Nhóm sinh viên có thời gian tự học trên 4 giờ/ngày đạt kết quả Giỏi/XS gấp 27,31 lần so với nhóm có thời gian tự học dưới 4 giờ. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của tác giả Rofler, cho thấy thời gian tự học là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thành tích học tập. Việc dành nhiều thời gian tự học giúp sinh viên củng cố kiến thức, hệ thống hóa nội dung và tăng khả năng vận dụng, đặc biệt trong chương trình đào tạo Y khoa vốn có khối lượng kiến thức lớn và yêu cầu tự học cao.

### III. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 405 sinh viên ngành y khoa năm thứ hai cho thấy đa số sinh viên có Nghiên cứu bài học và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp (79,5%) và Học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh (73,1%) trong khi chỉ có 38,5% sinh viên Hỏi thầy cô khi thắc mắc hoặc không hiểu rõ. Có đến 94,1% sinh viên thường xuyên tự học độc lập một mình và 94,8% sinh viên Học

qua truy cập thông tin trên Internet trong khi chỉ có 19,0% sinh viên Học qua băng ghi âm, ghi hình trong lớp.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập năm thứ nhất với phương pháp Nghiên cứu bài học và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp, Học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh, Học bài soạn lại hoặc hệ thống lại và Hỏi thầy cô khi thắc mắc hoặc không hiểu rõ cũng như thời gian tự học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aljaffer MA, Almadani AH, AlDughaiter AS, et al. The impact of study habits and personal factors on the academic achievement performances of medical students. *BMC medical education*. 2024;24(1):888.
- Trần Thị Lợi, Trần Đức Lai. Nghiên cứu kết quả học tập và một số yếu tố liên quan ở năm thứ nhất và năm thứ hai của sinh viên ngành y đa khoa khoá học 2012-2018 Trường Đại học Y Dược Huế. *Tạp chí Y Dược học- Trường Đại học Y Dược Huế*. 2016;32:84-93.
- Nguyễn Thị Hồng Mai, Phạm Thế Mạnh, Trần Đức Nam, et al. *Đổi mới phương pháp dạy học đại học ở Việt Nam hiện nay một số vấn đề cơ bản*. Hà Nội: NXB khoa học và kỹ thuật; 2022.
- Quốc hội. Luật giáo dục (Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Số: 38/2005/QH11 (đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 25/11/2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010. . 2009.
- Nguyễn Quang Vinh. Một số giải pháp quản lý hoạt động tự học của sinh viên Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh: Luận văn cao học chuyên ngành Giáo dục học, Trường Đại học Vinh; 2013.
- Lê Thị Liên. Nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên qua việc tổ chức seminar và hướng dẫn ôn tập, tổng kết chương. *Tạp chí giáo dục*. 2004;82:26-32.
- Morozova M, Gula L, Dymar N, et al. Influence of Critical Thinking Technologies on Improvement of Students Performance during Self-Study. *Journal of Curriculum and Teaching*. 2022;11(1):59-72.
- Musal B, Gursel Y, Taskiran HC, et al. Perceptions of first and third year medical students on self-study and reporting processes of problem-based learning. *BMC Medical Education*. 2004;4(1):16.
- Manuaba IBAP, -No Y, Wu C-C. The effectiveness of problem based learning in improving critical thinking, problem-solving and self-directed learning in first-year medical students: A meta-analysis. *PloS one*. 2022;17(11):e0277339.
- Roffler M, Sheehy R. Self-reported learning and study strategies in first and second year medical students. *Medical Science Educator*. 2022;32(2):329-35.